

Bản án số: 94/2018/HS-ST
Ngày 12 - 7 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định và bà Vũ Thị Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Nghĩa, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Oanh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 90/2018/HSST ngày 31 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Hầu Thị H**, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1984 tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ 1, khu 1, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hầu Như L và bà Nguyễn Thị K; chồng, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 21/4/2017, tạm giam ngày 28/4/2017; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

2. **Phạm Văn T**, sinh ngày 12 tháng 4 năm 1982 tại quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: số 1/3/43 đường Nguyễn Tường Loan, phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Lê Thị T; có vợ là Trịnh Thị H (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 21/4/2017, tạm giam ngày 28/4/2017; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

3. **Hầu Đức T**, sinh ngày 27 tháng 12 năm 1989 tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ 21, khu Núi Gạc, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hầu Như L và bà Nguyễn Thị K; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ ngày 22/9/2017, tạm giam ngày 25/9/2017; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

** Những người làm chứng:*

1) Anh Nguyễn Tấn L, sinh năm: 1976; địa chỉ: số 316 gác 2 Lý Thường Kiệt, phường Phan Bội Châu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2) Chị Phan Thị Hồng T, sinh năm: 1993; địa chỉ: số 280/90A, ấp 2, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

3) Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1997; địa chỉ: xóm Đại Tân, xã Quỳnh Long, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

4) Chị Lê Thị U, sinh năm: 1998; địa chỉ: xóm 5, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

5) Anh Vũ Thanh T, sinh năm: 1993; địa chỉ: tổ 10, khu Lạc Thanh, Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 45 phút ngày 19/4/2017, tại tổ 29C khu 8 phường Quang Trung thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh, Công an tỉnh Quảng Ninh phối hợp với Công an phường Quang Trung, thành phố Uông Bí bắt quả tang Vũ Thanh T có hành vi tàng trữ tại túi quần phía trước bên phải T đang mặc 01 túi nilon bên trong có 01 viên nén hình trụ tròn màu vàng nhạt, trên mặt in chìm biểu tượng con bướm; 01 túi nilon bên trong chứa chất tinh thể màu trắng. T khai đó là ma túy (thuốc lắc và Ketamine) T mua của Hầu Đức T vào tối ngày 18/4/2017 để sử dụng. Trước đó, T đã mua 01 gói Ketamine và 05 viên thuốc lắc với giá 2.600.000đ, mang về một mình sử dụng hết 04 viên thuốc lắc và một ít Ketamine. Số còn lại, T cất giấu trong túi quần thì bị Công an phát hiện, thu giữ.

Tại bản Kết luận giám định số 265/GĐMT ngày 21/4/2017, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Vật chứng ghi thu của Vũ Thanh T: Viên nén hình trụ tròn màu vàng nhạt là chất ma túy loại MDMA, trọng lượng 0,24gam; chất tinh thể màu trắng là chất ma túy loại Ketamine, trọng lượng 0,08gam.

Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Hầu Đức T và Hầu Thị H tại quán Karaoke Newstar thuộc tổ 1, khu 1, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, đã thu giữ tại phòng ngủ của Hầu Thị H (chị gái của Hầu Đức T): 01 hộp nhựa tròn màu trắng xanh có nắp đậy kín, thân hộp có chữ XYLITON, bên trong có 01 túi nilon màu trắng chứa 35 viên nén hình trụ tròn màu vàng nhạt, trên một mặt mỗi viên in chìm biểu tượng con bướm; 08 túi nilon màu trắng, bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng; 01 quyển sổ bìa đen, bên trong có nhiều trang giấy ghi chữ và số; 01 chứng minh nhân dân mang tên Hầu Đức T.

Tại Kết luận giám định số 269, ngày 22/4/2017, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Vật chứng ghi thu khi khám xét khẩn cấp nơi ở của

Hầu Đức T và Hầu Thị H gồm: 35 viên nén hình trụ tròn màu vàng nhạt là chất ma túy loại MDMA tổng trọng lượng 9,04gam; chất tinh thể màu trắng là chất ma túy loại Ketamine, tổng trọng lượng 5,78gam.

Ngày 21/4/2017, Cơ quan điều tra đã bắt khẩn cấp Hầu Thị H, Phạm Văn T, thu giữ của H: 01 hộ chiếu, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Hầu Thị H, 01 điện thoại Iphone màu đen có gắn sim số 0932.991.978; thu giữ của Phạm Văn T: 01 điện thoại Iphone màu trắng có gắn sim số 01258.045.555, 01 điện thoại Mobiistar màu trắng có gắn sim số 0906.124.059 và 0979.215.582, 01 điện thoại Mobiistar màu trắng có gắn sim số 0904.263.303 và 0934.390.222 và 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn T.

Quá trình điều tra ban đầu, bị cáo Hầu Thị H và Phạm Văn T đều khai nhận: Số ma túy cơ quan Công an thu giữ tại nơi ở của H là ma túy H nhờ Thịnh mua giúp. Cụ thể:

1) Ngày 15/4/2017, Hầu Thị H, Phạm Văn T, anh Nguyễn Tấn L (là bạn trai của H) cùng một số người bạn ăn cơm tại một quán ăn trên đường Lê Hồng Phong, thành phố Hải Phòng. Tại đây, Hà gọi riêng T ra rồi đưa cho T 7.000.000 đồng nhờ T mua giúp 100 viên thuốc lắc, số tiền còn thiếu H khát nợ, T đồng ý. Sau đó T đến khu vực đường tàu thuộc phường An Dương thành phố Hải Phòng hỏi mua ma túy (thuốc lắc) của một người đàn ông không quen biết với giá 200.000đ/viên. T gọi điện, nhắn tin báo giá cho H thì H bảo T mua giúp 95 viên, T đồng ý mua số ma túy trên với số tiền 19.000.000đ. Khoảng 22 giờ cùng ngày, T đến quán Karaoke Newstar (phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí) giao cho Hà 95 viên thuốc lắc. H mời T ở lại quán dự sinh nhật của chị Lê Thị U là nhân viên của H. H đã đưa ra 10 viên ma túy thuốc lắc và 01 túi Ketamine ra cùng với T, L, U, Nguyễn Thị N, Phan Thị Hồng T và một số người dự sinh nhật sử dụng.

2) Khoảng 17 giờ ngày 18/4/2017, H tiếp tục gọi điện nhờ T mua giúp 01 “uốn” ma túy Ketamine. T đồng ý và bỏ tiền của mình ra mua 01 “uốn” ma túy Ketamine với số tiền là 22.000.000đ rồi mang sang Uông Bí giao cho H. Sáng hôm sau, H đưa cho anh L số tiền 3.000.000đ và 01 sợi dây chuyền vàng bảo L đưa cho T (mục đích H trả tiền mua ma túy cho T nhưng H không nói cho L biết). T mang sợi dây chuyền cầm cổ được 20.000.000đ. Tổng số tiền H đã trả cho T là 30.000.000đ. H còn nợ T 11.000.000 đồng. Những lần H nhờ T mua ma túy và giao cho mình thì chỉ có H và T biết.

3) Hầu Thị H khai: Sau khi nhận số ma túy T đưa, H chia nhỏ ra cất trong hộp nhựa trong phòng ngủ, mục đích để sử dụng và nếu có ai mua thì bán. Từ khoảng tháng 12/2016, H thường sang Hải Phòng mua ma túy của những người không quen biết mang về chia nhỏ rồi bán lại cho những người khác kiếm lời (H không nhớ cụ thể các lần và những người bán). Khoảng tháng 02/2017, em trai Hà là Hầu Đức T nói với H “nếu có ai hỏi em mua ma túy thì chị đưa cho em để em bán kiếm mấy đồng”. Từ đó có vài lần T đến lấy ma túy của H. Tối ngày 18/4/2017, T đến gặp H và lấy 05 viên thuốc

lắc hình trụ tròn màu vàng nhạt, trên mặt mỗi viên in hình con bướm và 01 túi Ketamine, đồng thời trả cho H 1.500.000đ. Ngoài ra, tối ngày 15/4/2017 khi tổ chức sinh nhật U, H lấy ra 10 viên thuốc lắc và 02 túi Ketamine cho mọi người cùng sử dụng. Số ma túy còn lại, H để trong phòng ngủ thì bị Công an khám xét, thu giữ.

Ngày 22/9/2017, Hầu Đức T đến Cơ quan điều tra đầu thú. Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí đã trả hồ sơ để Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí điều tra bổ sung (nhập với vụ án Hầu Đức T) theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra tiếp theo, Hầu Thị H và Phạm Văn T thay đổi lời khai với nội dung:

1) T khai chỉ mua ma túy cho H một lần vào ngày 15/4/2017. Hôm đó tại Hải Phòng, Hà đưa 7.000.000đ nhờ T mua ma túy là thuốc lắc và Ketamine. T đồng ý, cầm tiền đi đến khu vực đường tàu Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng hỏi mua ma túy của một người đàn ông không quen biết thì được báo giá 150.000đ/viên thuốc lắc biểu tượng hình con bướm, các loại khác giá 120.000đ/viên; Ketamine giá 22.000.000đ/ “uôn”. T nhắn tin cho H báo giá 200.000đ/viên thuốc lắc hình con bướm thì H gọi điện lại bảo mua 95 viên thuốc lắc, nếu không đủ tiền thì mua 50 viên, còn lại mua Ketamine. Do chỉ có tổng số tiền 19.000.000đ nên T đã mua 12.000.000đ Ketamine và 7.000.000đ thuốc lắc thì được 10 gói Ketamine và 01 túi thuốc lắc gồm nhiều loại khác nhau, T không đếm lại. Tối đó, T đã mang đến giao toàn bộ số ma túy cho H.

2) H còn thay đổi nội dung khai: Tối ngày 18/4/2017, T đến hỏi xin ma túy nên H đưa cho T số ma túy gồm 05 viên thuốc lắc gồm nhiều loại khác nhau, 01 túi Ketamine. T đưa 1.500.000đ là tiền trả cho H vì H đã chuộc xe giúp T. Số ma túy còn lại Công an khám xét, thu giữ tối ngày 19/4/2017 nằm trong số ma túy H nhờ T mua ngày 15/4/2017 tại Hải Phòng, chưa dùng để làm gì. Căn cứ lời khai này của H, Cơ quan điều tra ra Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án, Quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can đối với Hầu Thị H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Hầu Đức T thừa nhận hành vi bán trái phép chất ma túy là 05 viên thuốc lắc và 01 túi Ketamine cho Vũ Thanh T vào tối ngày 18/4/2017 với giá 2.600.000đ. Tuy nhiên T khai nguồn gốc số ma túy là T hỏi xin của chị gái là H. Sau khi nhận điện thoại của T, T đã đến chỗ H hỏi xin H 05 viên thuốc lắc và 01 túi Ketamine, đồng thời trả H số tiền 1.500.000 đồng là tiền Hà đã chuộc xe giúp T. H đưa cho T 05 viên thuốc lắc có các loại khác nhau và 01 túi Ketamine. T mang số ma túy này bán cho Vũ Thanh T. Tối ngày 19/4/2017, T đến xin H ma túy. Vì H không cho, T tự vào phòng của H tìm nhưng không thấy ma túy nên bỏ đi. Trước đó có lần thấy H đưa ma túy cho bạn cùng sử dụng nên biết H có ma túy, T đã vài lần xin H ma túy để sử dụng.

Ngày 05/4/2018, Tòa án ra Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung do có một số nội dung của vụ án chưa được làm rõ.

Quá trình điều tra bổ sung, các bị cáo giữ nguyên lời khai như trong lần điều tra bổ sung trước đó. Riêng bị cáo Hầu Thị H thay đổi lời khai về số ma túy thu giữ tại nơi ở gồm 35 viên thuốc lắc và 08 túi ketamine, trước là mục đích tàng trữ ma túy để sử dụng. Sau khai lại số ma túy đó H cất giấu là để bán cho người khác kiếm lời, nhưng chưa bán được thì bị Công an kiểm tra, phát hiện thu giữ. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố bị can đối với Hầu Thị H từ tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” sang tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với hành vi tàng trữ ma túy nêu trên.

Giai đoạn điều tra, Phạm Văn T và những người làm chứng Nguyễn Tấn L, Lê Thị U và Nguyễn Thị N khai: đã sử dụng ma túy H đưa cho nhân ngày sinh nhật của U. Trước đó, những người này đã sử dụng ma túy với nhau vài lần. H không có lợi ích vật chất gì khi cho mọi người sử dụng.

Tại bản Cáo trạng số 95/CT-VKSUB-QN ngày 31 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị can Hầu Thị H về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; các bị can Phạm Văn T, Hầu Đức T về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

1) Tuyên bố: Các bị cáo Hầu Thị H, Phạm Văn T và Hầu Đức T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2) Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Hầu Thị H từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/4/2017.

3) Áp dụng: khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 24 đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/4/2017.

4) Áp dụng: khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các khoản 2 và 3 Điều 54, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Hầu Đức T từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/9/2017.

5) Áp dụng điểm a, c Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu hủy phong bì niêm phong số 269/GĐMT của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh; 01 hộp nhựa màu trắng – xanh và 01 quyển sổ màu đen.

Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 điện thoại hiệu Iphone màu đen thu giữ của bị cáo Hà; 01 điện thoại hiệu Mobiistar màu trắng thu giữ của bị cáo T.

Truy thu của bị cáo T 2.600.000 đồng sung quỹ nhà nước.

Trả lại bị cáo Hầu Thị H 01 hộ chiếu, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Hầu Thị H. Trả lại bị cáo Hầu Đức T 01 chứng minh nhân dân mang tên Hầu Đức T. Trả lại bị cáo Phạm Văn T 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Văn T, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu trắng và 01 điện thoại hiệu Mobistar màu trắng.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình cơ bản như nội dung Cáo trạng. Các bị cáo thừa nhận việc truy tố và quyết định đưa các bị cáo ra xét xử là đúng người, đúng tội, không oan, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với bản kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, phù hợp với vật chứng bị thu giữ cùng những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 15/4/2017, Hầu Thị H đã đưa 7.000.000đ (bảy triệu đồng) cho Phạm Văn T và nhờ T thêm tiền vào mua cho H ma túy với mục đích mang về bán. Nhận tiền xong, T đến khu vực đường tàu Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng mua của một người đàn ông không quen biết 10 gói Ketamine với giá 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) và 01 túi MDMA với giá 7.000.000đ (bảy triệu đồng) mang về giao cho H. H chia nhỏ số ma túy đã mua được rồi cất giấu tại nơi ở của mình ở quán Karaoke Newstar thuộc tổ 1, khu 1, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Tối ngày 18/4/2017, Hầu Thị H đã đưa cho em trai là Hầu Đức T 05 viên thuốc lắc và 01 túi Ketamine để Thành mang bán cho Vũ Thanh T với giá 2.600.000đ (hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Còn lại tổng số 14,82 gam (gồm 9,04gam MDMA và 5,78gam Ketamine), H cất giấu tại nơi ở của mình với mục đích để bán nhưng chưa kịp bán thì bị Công an tỉnh Quảng Ninh khám xét, thu giữ.

Các bị cáo không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép mua bán, tàng trữ chất ma túy theo quy định của pháp luật.

[3] MDMA và Ketamine là các chất ma túy rất độc, bị Nhà nước tuyệt đối cấm mua bán, tàng trữ theo quy định tại Nghị định số: 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

...

b) Phạm tội nhiều lần;...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”.

Theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số: 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư liên tịch số: 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 14/11/2015) của Bộ công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và Bộ tư pháp, quy định:

“Mua bán trái phép chất ma túy” là một trong các hành vi sau đây:

a) Bán trái phép chất ma túy cho người khác (không phụ thuộc vào nguồn gốc chất ma túy do đâu mà có) bao gồm cả việc bán hộ chất ma túy cho người khác để hưởng tiền công hoặc các lợi ích khác;

b) Mua chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác;

...

e) Tàng trữ chất ma túy nhằm bán trái phép cho người khác;

...

Người tổ chức, người xúi giục, người giúp sức cho người thực hiện một trong các hành vi mua bán trái phép chất ma túy được hướng dẫn từ điểm a đến điểm g tiểu mục 3.3 này đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội mua bán trái phép chất ma túy”.

“Tình tiết “phạm tội nhiều lần” quy định tại khoản 2 các điều 193, 194, 195, 196, 197, 198, 200 và 201 của BLHS được hiểu là đã có từ hai lần phạm tội trở lên (hai lần sản xuất trái phép chất ma túy trở lên, hai lần tàng trữ trái phép chất ma túy trở lên, hai lần bán trái phép chất ma túy trở lên...) mà mỗi lần phạm tội có đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại khoản 1 điều luật tương ứng, đồng thời trong số các lần phạm tội đó chưa có lần nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự”.

Điều 15 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“Phạm tội chưa đạt là cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội”...

Khoản 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“ Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình thì áp dụng hình phạt tù không quá 20 năm; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định”.

[4] Từ những chứng cứ và những quy định của pháp luật nêu trên có đủ cơ sở chứng minh: Các bị cáo Hàu Thị H, Phạm Văn T và Hàu Đức T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa truy tố các bị cáo là có cơ sở pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến trật tự quản lý, kiểm soát các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự, trị an xã hội, làm bất bình trong quần chúng nhân dân địa phương. Ma túy đang là hiểm họa của toàn xã hội, nó không những trực tiếp xâm hại đến sức khỏe về tinh thần, thể chất và tài sản của người nghiện, gây lo lắng, buồn phiền cho những người thân trong gia đình, mà còn là một trong những nguyên nhân làm lan truyền bệnh tật và các tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh.

[6] Xét tính chất đồng phạm và vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án thấy: Các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm “Mua bán trái phép chất ma túy”, nhưng không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau từ trước nên không phải là phạm tội có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo H là người chủ mưu, mua ma túy về bán (tội phạm đã hoàn thành – lần 1) và tàng trữ ma túy để bán nhưng chưa bán được (tội phạm chưa đạt về hậu quả nhưng đã hoàn thành về hành vi – lần 2) nên giữ vai trò chính và phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác. Bị cáo T biết H mua chất ma túy mang về để bán nhưng đã giúp sức cho H mua ma túy (một lần). Bị cáo T biết H có chất ma túy để bán và đã giúp sức cho H bán ma túy (một lần) cho T. Hai bị cáo Phạm Văn T và Hàu Đức T giữ vai trò sau và cũng phải chịu hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của mình.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo H và Hàu Đức T thuộc gia đình có công với cách mạng, có bác ruột là liệt sỹ, trước khi bị cáo H bị bắt đã ở cùng và trực tiếp chăm sóc thời gian dài cho bà ngoại– mẹ liệt sỹ. Bị cáo Hàu Đức T sau khi phạm tội đã đầu thú, khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng phạm, Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho hai bị cáo này, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước.

[8] Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, không những nhằm trừng trị mà còn để cải

tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, phòng ngừa chung cho xã hội, đáp ứng được mục đích của hình phạt. Nhưng các bị cáo lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt nên Hội đồng xét xử cho bị cáo TPhạm Văn T được hưởng mức án thấp của khung hình phạt đã truy tố. Bị cáo H tàng trữ ma túy với mục đích để bán, nhưng chưa bán được nên phạm tội chưa đạt và bị cáo Hầu Đức T phạm tội với vai trò giúp sức, sau khi phạm tội đã đầu thú, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, H và Hầu Đức T là hai chị em ruột trong gia đình đều bị kết án trong vụ án nên Hội đồng xét xử cho các bị cáo này được hưởng mức án dưới khung hình phạt đã truy tố.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 thì các bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm. Nhưng xét thấy các bị cáo là lao động tự do, có hoàn cảnh khó khăn và đều không có tài sản riêng. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về vật chứng và những giấy tờ thu giữ trong vụ án: Số ma túy và các vật chứng liên quan bị thu giữ là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu và tiêu hủy. Các điện thoại di động thu giữ của các bị cáo sử dụng để liên lạc mua, bán ma túy là công cụ phạm tội, còn giá trị sử dụng cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước. Những giấy tờ thu giữ của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội trả lại cho các bị cáo. Số tiền 2.600.000 đồng bị cáo Hầu Đức T bán ma túy mà có chưa thu giữ được, nay cần truy thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về các vấn đề khác: Đối với Vũ Thanh T là người nghiện ma túy, có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (0,32g MDMA và Ketamine) để sử dụng chưa đến mức phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, cơ quan Công an đã ra quyết định xử phạt hành chính. Đối với Hầu Thị H đưa ma túy cho Phạm Văn T, Nguyễn Tấn L, Lê Thị U và Nguyễn Thị N sử dụng vào tối ngày 15/4/2017 nhưng không đủ chứng cứ xử lý H về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, cơ quan Công an đã ra Quyết định xử phạt hành chính.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hầu Thị H, Phạm Văn T và Hầu Đức T phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, các khoản 1 và 3 Điều 57, các khoản 1 và 3 Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Hầu Thị H 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 21/4/2017).

3. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51, các khoản 1 và 3 Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 21/4/2017).

4. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các khoản 2 và 3 Điều 54, các khoản 1 và 3 Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Hầu Đức T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 22/9/2017).

5. Căn cứ vào: các điểm a, b và c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, các điểm a, b và c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong số 269/GĐMT chứa ma túy hoàn lại sau giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh; 01 (một) hộp nhựa hình trụ màu trắng xanh; 01 (một) quyển sổ màu đen; 03 (ba) sim điện thoại gắn trong 02 (hai) chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo Hầu Thị Hà và Phạm Văn T lần lượt mang các số thuê bao: 0932.991978, 0906.124.059 và 0979.215.582;

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen thu giữ của bị cáo H; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar màu trắng thu giữ của bị cáo Phạm Văn T;

+ Tịch thu (truy thu), nộp ngân sách Nhà nước số tiền 2.600.000đ (hai triệu sáu trăm nghìn đồng) của bị cáo Hầu Đức T do bán ma túy cho Vũ Thanh T mà có (hiện chưa thu và chưa giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

+ Trả lại cho bị cáo Hầu Thị H: 01 (một) Hộ chiếu số B4814478, 01 (một) Giấy phép lái xe số 221107002261 đều mang tên bị cáo.

+ Trả lại cho bị cáo Hầu Đức T: 01 (một) Chứng minh nhân dân mang tên bị cáo.

+ Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T: 01 (một) Chứng minh nhân dân mang tên bị cáo, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng gắn sim mang số thuê bao 01258.045.555 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Mobiistar màu trắng gắn sim mang các số thuê bao 0904.236.303 và 0934.390.222.

Tình trạng những vật chứng nêu trên theo Biên bản giao vật chứng ngày 21/02/2018 giữa Công an thành phố Uông Bí và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

6. Căn cứ vào: khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Hầu Thị H, Phạm Văn T và Hầu Đức T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

7. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND TP. Uông Bí;
- Công an TP. Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS TP. Uông Bí;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA.(Th. L 09)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lâm